

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)**Phòng thi:** Phòng B1.401**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 24/02/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0171	NGUYỄN TUẤN	ANH	2/20/1999				
2	TA0172	NGUYỄN TUẤN	ANH	5/3/1999				
3	TA0173	NGUYỄN	HẢO	7/16/1998				
4	TA0174	NGUYỄN TẤT	HÙNG	9/15/1999				
5	TA0175	TRẦN QUANG	ANH	8/10/1998				
6	TA0176	PHẠM HOÀNG A	ANH	9/21/1999				
7	TA0177	NGUYỄN ĐỨC	ANH	1/11/1998				
8	TA0178	LÊ VĂN	ĐẠI	8/6/1998				
9	TA0179	ĐỖ TRỌNG	ĐỨC	11/13/1999				
10	TA0180	NGUYỄN TUẤN	DƯƠNG	1/18/1999				
11	TA0181	NGUYỄN ĐỨC	HIỀN	7/24/1998				
12	TA0182	ĐINH VĂN	HIẾU	10/10/1998				
13	TA0183	ĐÀO XUÂN	HÒA	4/12/1998				
14	TA0184	NGUYỄN THẾ THANH	HÙNG	7/9/1998				
15	TA0185	NGUYỄN QUANG	HÙNG	11/17/1999				
16	TA0186	THÂN VĂN	HƯỜNG	6/6/1998				
17	TA0187	DƯƠNG HÀ	KHÁNH	8/17/1998				
18	TA0188	HÀ THỊ	LAN	7/23/1996				
19	TA0189	TRẦN THỊ MAI	LAN	5/25/1998				
20	TA0190	TRẦN THỊ TÀI	LINH	1/9/1998				
21	TA0191	TRẦN DIỆU	LINH	9/18/1999				
22	TA0192	MAI THỊ	LOAN	12/26/1999				
23	TA0193	NGÔ XUÂN	LỘC	10/19/1999				
24	TA0194	NGUYỄN DUY	LỘC	2/22/1998				
25	TA0195	NGUYỄN TRẦN HẢI	MINH	4/9/1998				
26	TA0196	NGUYỄN HẢI	NAM	4/9/1998				
27	TA0197	TRẦN VĂN	NHÂN	4/9/1998				
28	TA0198	BÙI THỊ	OANH	1/19/1998				
29	TA0199	TỔNG VĂN	PHÚC	3/13/1999				
30	TA0200	TRẦN HOÀNG	QUÂN	1/4/1999				
31	TA0201	TẶNG THỊ NHƯ	QUỲNH	9/20/1999				
32	TA0202	PHẠM TRƯỜNG	SINH	5/2/1999				
33	TA0203	NGUYỄN NHƯ	TÂM	10/6/1999				

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
34	TA0204	HOÀNG MINH	THẮNG	9/23/1997				
35	TA0205	VƯƠNG VĂN	THẮNG	10/25/1999				
36	TA0206	VŨ NGỌC	THẮNG	9/15/1998				
37	TA0207	NGUYỄN MINH	TIẾN	2/5/1999				
38	TA0208	HOÀNG THU	TRANG	5/10/1999				
39	TA0209	LÊ MINH	TRÍ	3/28/1998				
40	TA0210	NGUYỄN THÀNH T	TRUNG	1/11/1999				
41	TA0211	TRẦN VĂN	TRƯỜNG	8/3/1999				
42	TA0212	NGUYỄN CÔNG	TÚ	1/10/1998				
43	TA0213	NGUYỄN VĂN	TỤ	5/16/1999				
44	TA0214	NGUYỄN ANH	TUẤN	8/9/1998				
45	TA0215	LÊ ANH	TUẤN	2/6/1998				
46	TA0216	LÊ THANH	TÙNG	6/7/1999				
47	TA0217	NGUYỄN THỊ	THÚY	25/08/1998				
48	TA0218	PHẠM THANH	TÙNG	14/01/1997				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)